

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		4,032,218,574,551	3,756,411,201,449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	144,456,704,308	199,243,849,337
1. Tiền	111		144,456,704,308	179,243,849,337
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2,360,005,004,000	1,306,731,045,131
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,361,402,807,169	1,309,402,807,169
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,397,803,169)	(2,671,762,038)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		696,515,812,759	1,334,943,366,501
1. Phải thu khách hàng	131		553,626,625,665	1,295,576,733,107
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	513,023,664,137	453,206,453,346
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	40,602,961,528	842,370,279,761
2. Trả trước cho người bán	132		8,760,000,154	9,440,283,712
3. Các khoản phải thu khác	135	9	174,428,260,221	70,077,732,769
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(40,299,073,281)	(40,151,383,087)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		102,263,626,050	75,864,329,209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	96,546,146,455	70,485,299,176
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		81,009,762,653	66,244,877,664
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		15,536,383,802	4,240,421,512
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,717,479,595	5,379,030,033
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	728,977,427,434	839,628,611,271
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		511,755,126,193	586,135,587,024
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		217,222,301,241	253,493,024,247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		121,051,336,819	251,151,046,082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14,697,456,419	13,553,732,910
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	14,697,456,419	13,553,732,910
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		7,697,456,419	6,553,732,910
II. Tài sản cố định	220		5,642,549,801	6,143,983,542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2,635,575,729	3,298,204,287
<i>Nguyên giá</i>	222		12,809,634,842	12,835,935,751
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10,174,059,113)	(9,537,731,464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,006,974,072	2,845,779,255
<i>Nguyên giá</i>	228		7,171,964,959	6,354,224,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,164,990,887)	(3,508,445,704)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	51,990,000,000	201,990,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		51,990,000,000	201,990,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		48,721,330,599	29,463,329,630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		48,721,330,599	29,463,329,630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4,153,269,911,370	4,007,562,247,531

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,038,208,571,934	2,910,630,038,329
I. Nợ ngắn hạn	310		3,000,130,193,264	2,891,491,225,654
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		676,091,321,170	619,701,241,776
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	650,441,596,182	606,186,938,680
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		25,649,724,988	13,514,303,096
3. Người mua trả tiền trước	313		89,821,955,638	89,316,868,367
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	20,444,744,068	18,263,997,164
5. Phải trả người lao động	315		38,212,263,952	74,069,079,461
6. Chi phí phải trả	316		106,936,660	832,675,473
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	10,557,236,027	10,917,700,306
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	120,909,766,948	149,033,442,672
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,080,112,158	687,869,895
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	2,042,905,856,643	1,928,668,350,540
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,471,682,018,408	1,343,339,376,493
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		442,405,652,643	466,673,061,163
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		128,818,185,592	118,655,912,884
II. Nợ dài hạn	330		38,078,378,670	19,138,812,675
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		38,077,378,670	19,137,812,675
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,115,061,339,436	1,096,932,209,202
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,115,061,339,436	1,096,932,209,202
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		16,285,279,397	15,339,966,939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98,776,060,039	81,592,242,263
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4,153,269,911,370	4,007,562,247,531


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	559,292,672,416	472,978,212,991	1,058,928,561,455	909,371,773,395
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	37,794,615,167	42,176,291,683	70,348,174,876	54,013,368,623
3. Thu nhập khác	13	218,771,768	(463,274,172)	823,598,924	613,036,640
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	512,989,771,203	437,713,163,427	978,092,111,630	819,058,575,420
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(282,765,353)	610,229,684	(362,731,389)	(31,107,478)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	71,274,289,722	72,530,251,513	128,167,620,630	135,438,563,640
7. Chi phí khác	24	220,500,850	(67,800,620)	654,304,131	521,708,913
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	13,104,262,929	3,905,386,498	23,549,030,253	9,010,438,163
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10,165,558,638	3,018,127,722	18,521,372,497	7,102,169,774

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	670,404,060,826	604,655,105,634	1,278,897,648,366	1,178,634,901,392
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		717,150,213,914	579,120,160,603	1,383,732,551,389	1,113,294,948,015
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		16,598,146,582	7,538,504,977	23,507,738,892	16,342,693,185
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		63,344,299,670	(17,996,440,054)	128,342,641,915	(48,997,260,192)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	238,578,282,544	250,124,076,384	465,390,218,111	467,615,467,637
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		188,554,015,043	262,004,686,555	391,009,757,280	516,197,867,471
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(50,024,267,501)	11,880,610,171	(74,380,460,831)	48,582,399,834
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		431,825,778,282	354,531,029,250	813,507,430,255	711,019,433,755
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		127,466,894,134	118,447,183,741	245,421,131,200	198,352,339,640
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		64,161,560,349	59,471,394,160	115,272,442,283	114,045,408,315
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		63,305,333,785	58,975,789,581	130,148,688,917	84,306,931,325
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		559,292,672,416	472,978,212,991	1,058,928,561,455	909,371,773,395
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		268,966,515,788	290,200,050,721	491,225,181,640	544,954,539,661
- Tổng chi bồi thường	11.1		268,966,515,788	290,200,050,721	491,225,181,640	544,954,539,661
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-	-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		99,835,855,700	113,463,439,874	194,807,175,912	204,635,291,719
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(41,802,363,616)	(56,908,021,934)	(24,267,408,520)	(86,957,682,401)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(35,528,504,677)	(15,915,489,995)	(36,270,723,006)	(32,210,948,599)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	162,856,801,149	135,744,078,908	308,421,320,214	285,572,514,140
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		5,417,272,234	3,246,870,368	10,162,272,708	6,134,397,737
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	344,715,697,820	298,722,214,151	659,508,518,708	527,351,663,543
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		34,374,558,022	26,352,138,680	63,108,927,499	48,505,863,906
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		310,341,139,798	272,370,075,471	596,399,591,209	478,845,799,637
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		512,989,771,203	437,713,163,427	978,092,111,630	819,058,575,420
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		46,302,901,213	35,265,049,564	80,836,449,825	90,313,197,975

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	37,794,615,167	42,176,291,683	70,348,174,876	54,013,368,623
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	(282,765,353)	610,229,684	(362,731,389)	(31,107,478)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		38,077,380,520	41,566,061,999	70,710,906,265	54,044,476,101
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	71,274,289,722	72,530,251,513	128,167,620,630	135,438,563,640
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		13,105,992,011	4,300,860,050	23,379,735,460	8,919,110,436
20. Thu nhập khác	31		218,771,768	(463,274,172)	823,598,924	613,036,640
21. Chi phí khác	32		220,500,850	(67,800,620)	654,304,131	521,708,913
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,729,082)	(395,473,552)	169,294,793	91,327,727
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13,104,262,929	3,905,386,498	23,549,030,253	9,010,438,163
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,938,704,291	887,258,776	5,027,657,756	1,908,268,389
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,165,558,638	3,018,127,722	18,521,372,497	7,102,169,774

Trần Phương Anh
Người lập biểu**Nguyễn Hoàng Mai**
Kế toán trưởng
Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
		Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	803,149,200,228	712,501,598,426	1,570,937,213,451	1,591,040,898,234
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(677,925,988,553)	(598,060,875,365)	(1,274,726,792,385)	(1,077,135,177,204)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(75,482,224,860)	(64,802,968,991)	(191,923,697,946)	(160,467,395,393)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-	(2,693,525,008)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12,018,153,132	9,078,371,478	27,613,139,423	11,166,242,001
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53,856,134,554)	(50,835,171,898)	(104,020,078,268)	(98,516,006,238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7,903,005,393	7,880,953,650	25,186,259,267	266,088,561,400
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	25	(37,999,364)	(215,290,000)	(37,999,364)	(440,900,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	23	600,000	-	600,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(239,000,000,000)	(766,000,000,000)	(1,168,000,000,000)	(878,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	21	137,000,000,000	199,000,000,000	266,000,000,000	289,000,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	21	-	196,227,686,317	801,770,047,960	261,059,776,317
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	22	8,791,446,471	13,175,772,076	20,300,843,162	16,745,803,612
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93,245,952,893)	(357,811,831,607)	(79,966,508,242)	(311,635,320,071)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3,459,475)	(4,649,348)	(4,728,202)	(20,671,718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3,459,475)	(4,649,348)	(4,728,202)	(20,671,718)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(85,346,406,975)	(349,935,527,305)	(54,784,977,177)	(45,567,430,389)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	229,805,371,315	754,815,297,006	199,243,849,337	450,501,664,604
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(2,260,032)	171,341,756	(2,167,852)	116,877,242
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	144,456,704,308	405,051,111,457	144,456,704,308	405,051,111,457

Trần Phương Anh
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
 Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.711 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.697 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và năm mươi bảy (57) đơn vị trực thuộc, bao gồm 54 Công ty thành viên và 3 Văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 và Thông tư 67 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2024
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Điểm 1, Điều 35 Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm):* Từ năm 2023 Tổng Công ty không khai thác các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với cá hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, từ ngày 02 tháng 11 năm 2023, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1,679,966,585	3,762,257,267
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	138,448,339,866	174,344,105,264
Tiền đang chuyển	4,328,397,857	1,137,486,806
Các khoản tương đương tiền (i)	-	20,000,000,000
	144,456,704,308	199,243,849,337

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,361,402,807,169	(1,397,803,169)	1,309,402,807,169	(2,671,762,038)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	6,402,807,169	(1,397,803,169)	6,402,807,169	(2,671,762,038)
- Tổng giá trị cổ phiếu	6,402,807,169	(1,397,803,169)	6,402,807,169	(2,671,762,038)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	2,355,000,000,000	-	1,303,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2,355,000,000,000	-	1,303,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	51,990,000,000	-	201,990,000,000	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	50,000,000,000	-	200,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	50,000,000,000	-	200,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	-	-	-	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	-	-	-	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	112,295,484,801	169,217,801,331
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	102,593,492,860	153,662,368,221
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	9,701,991,941	15,555,433,110
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	18,890,950,587	20,225,542,976
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	379,196,374,831	260,808,265,508
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1,124,033,734	2,138,023,347
e) Phải thu khác	1,516,820,184	816,820,184
	513,023,664,137	453,206,453,346

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	2,238,933,300	804,008,981,260
Phải thu khác	4,128,907	1,399,180
	40,602,961,528	842,370,279,761

(i) Thẻ hiện gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản này (Thuyết minh 10).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	174,428,260,221	70,077,732,769
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	400,581,753	436,831,920
Tạm ứng	81,245,643,988	26,343,944,400
Phải thu ngắn hạn khác	92,782,034,480	43,296,956,449
b) Dài hạn	14,697,456,419	13,553,732,910
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	7,697,456,419	6,553,732,910
	189,125,716,640	83,631,465,679

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	166,881,701	515,752,393	136,829,828	978,081,144	1,797,545,066				
Phải thu tái bảo hiểm	204,767,802	145,275,901	3,327,848	67,413,353	420,784,904				
Nợ khác				353,560,092	353,560,092				
Cộng	371,649,503	661,028,294	140,157,676	1,399,054,589	2,571,890,062				

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

	30/06/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	40,931,789,383	40,299,073,281	40,734,523,542	40,151,383,087
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	2,571,890,062	1,939,173,960	2,374,624,221	1,791,483,766

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đầu năm đến hết Quý 2/2024	Năm 2023
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	66,244,877,664	49,994,885,421
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	39,060,272,046	67,111,572,301
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(24,295,387,057)	(50,861,580,058)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	81,009,762,653	66,244,877,664
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15,536,383,802	4,240,421,512
	96,546,146,455	70,485,299,176

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	511,755,126,193	586,135,587,024
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	217,222,301,241	253,493,024,247
	728,977,427,434	839,628,611,271

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	5,821,411,775	7,014,523,976	12,835,935,751
Mua sắm mới	-	37,999,091	37,999,091
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(64,300,000)	(64,300,000)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5,821,411,775	6,988,223,067	12,809,634,842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,413,620,713	5,124,110,751	9,537,731,464
Trích khấu hao	190,857,830	509,769,819	700,627,649
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(64,300,000)	(64,300,000)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,604,478,543	5,569,580,570	10,174,059,113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,407,791,062	1,890,413,225	3,298,204,287
Tại ngày cuối kỳ	1,216,933,232	1,418,642,497	2,635,575,729

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm	Tổng cộng
	máy tính	
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6,354,224,959	6,354,224,959
Tăng do mua sắm	817,740,000	817,740,000
Tăng khác	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	3,508,445,704	3,508,445,704
Tăng do góp vốn	-	-
Trích khấu hao	656,545,183	656,545,183
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	4,164,990,887	4,164,990,887
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	2,845,779,255	2,845,779,255
Tại ngày cuối kỳ	3,006,974,072	3,006,974,072

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	506,521,543,988	513,427,568,011
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4,959,441,628	6,326,233,029
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	20,164,524,529	26,736,682,658
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	20,167,468,927	11,414,147,461
e) Phải trả khác	98,628,617,110	48,282,307,521
	650,441,596,182	606,186,938,680

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	15,702,511,880	14,236,409,239
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,557,105,372	2,222,972,624
Thuế thu nhập cá nhân	89,270,786	1,326,377,086
Thuế nhà thầu nước ngoài	1,141,040	71,492,602
Thuế, phí phải nộp khác	94,714,990	406,745,613
	<u>20,444,744,068</u>	<u>18,263,997,164</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Quý 2/2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	149,033,442,672	133,239,429,733
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	40,133,003,926	146,622,934,532
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(68,256,679,650)	(130,828,921,593)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<u>120,909,766,948</u>	<u>149,033,442,672</u>
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả bảo hiểm xã hội	37,981,519	10,138,274
Phải trả bảo hiểm y tế	17,239,465	9,332,879
Phải trả kinh phí công đoàn	3,030,514,385	2,075,046,328
Phải trả các cổ đông	3,523,050,942	3,527,895,927
Phải trả khác	3,948,449,716	5,295,286,898
	<u>10,557,236,027</u>	<u>10,917,700,306</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	442,405,652,643	217,222,301,241	225,183,351,402
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	370,020,870,458	190,317,761,608	179,703,108,850
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	72,384,782,185	26,904,539,633	45,480,242,552
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,471,682,018,408	511,755,126,193	959,926,892,215
Cộng	1,914,087,671,051	728,977,427,434	1,185,110,243,617

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2024		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	466,673,061,163	253,493,024,247	213,180,036,916
Số trích lập trong kỳ	(24,267,408,520)	(36,270,723,006)	12,003,314,486
Số dư cuối kỳ	442,405,652,643	217,222,301,241	225,183,351,402

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2024		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,343,339,376,493	586,135,587,024	757,203,789,469
Số trích lập trong kỳ	128,342,641,915	(74,380,460,831)	202,723,102,746
Số dư cuối kỳ	1,471,682,018,408	511,755,126,193	959,926,892,215

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Năm 2023
Số dư đầu kỳ	118,655,912,884	104,136,773,491
Số trích lập thêm trong kỳ	10,162,272,708	14,519,139,393
Số dư cuối kỳ	<u>128,818,185,592</u>	<u>118,655,912,884</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	24,623,412,908	24,623,412,908
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,231,170,645	(1,231,170,645)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(720,334,944)	(720,334,944)
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>1,000,000,000,000</u>	<u>15,339,966,939</u>	<u>81,592,242,263</u>	<u>1,096,932,209,202</u>
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2024	1,000,000,000,000	15,339,966,939	81,592,242,263	1,096,932,209,202
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	18,521,372,497	18,521,372,497
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	945,312,458	(945,312,458)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(392,242,263)	(392,242,263)
Số dư tại ngày 30/06/2024	<u>1,000,000,000,000</u>	<u>16,285,279,397</u>	<u>98,776,060,039</u>	<u>1,115,061,339,436</u>

(*) Tổng công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,385,154,296,865	1,114,175,968,538
Bảo hiểm hàng không	63,130,275	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	224,141,606,645	105,135,495,903
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	47,428,666,239	36,724,687,467
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	46,754,366,986	25,970,981,080
Bảo hiểm xe cơ giới	891,481,800,918	822,952,674,039
Bảo hiểm cháy nổ	128,878,765,106	88,868,271,801
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	35,885,547,828	29,050,335,726
Bảo hiểm trách nhiệm chung	5,902,083,711	4,798,341,938
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	4,618,329,157	675,180,584
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(1,421,745,476)	(881,020,523)
Phí nhận tái bảo hiểm	23,566,816,097	16,366,582,885
Bảo hiểm hàng không	27,180,000	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2,531,726,767	2,804,957,424
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	16,386,164,540	8,076,935,370
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	45,359,322	763,523,594
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy nổ	4,420,805,285	4,329,913,558
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	33,604,538	(4,229)
Bảo hiểm trách nhiệm chung	13,610,660	367,581,287
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	108,364,985	23,675,881
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(59,077,205)	(23,889,700)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(128,342,641,915)	48,997,260,192
	1,278,897,648,366	1,178,634,901,392

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	391,009,757,280	516,197,867,471
Bảo hiểm hàng không	(56,163,344)	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	150,766,180,903	69,410,376,473
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	23,824,506,396	26,480,942,848
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	10,004,007,435	11,955,858,904
Bảo hiểm xe cơ giới	90,685,677,532	321,836,198,479
Bảo hiểm cháy nổ	84,253,430,546	62,912,008,971
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	25,494,199,680	21,834,349,925
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,864,692,186	1,235,560,185
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	4,173,225,946	532,571,686
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	74,380,460,831	(48,582,399,834)
	465,390,218,111	467,615,467,637

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	491,225,181,640	544,954,539,661
Bảo hiểm hàng không	70,281,730	195,031,836
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	55,703,629,618	32,875,831,558
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	10,678,453,007	10,729,123,998
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1,818,296,483	14,345,179,381
Bảo hiểm xe cơ giới	389,418,717,030	469,096,827,282
Bảo hiểm cháy nổ	14,510,935,976	7,595,026,541
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	18,248,045,946	7,620,119,900
Bảo hiểm trách nhiệm chung	753,862,099	2,497,399,165
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	22,959,751	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(194,807,175,912)	(204,635,291,719)
Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(24,267,408,520)	(86,957,682,401)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	36,270,723,006	32,210,948,599
	308,421,320,214	285,572,514,140

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	63,108,927,499	48,505,863,906
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	18,556,773	9,230,158
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	362,774,190	-
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	2,777,297,789	749,357,319
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	449,767,940,170	354,200,036,585
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	140,333,138,150	122,023,357,329
Chi khác	3,139,884,137	1,863,818,246
	659,508,518,708	527,351,663,543

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70,117,738,239	31,477,327,288
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	17,349,827,727
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	151,300,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	230,436,637	571,899,904
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4,463,013,704
	70,348,174,876	54,013,368,623

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(1,273,958,869)	(411,540,872)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2,321,686	22,902,245
Lỗ chênh lệch tỷ giá	543,180,071	357,531,149
Chi phí hoạt động tài chính khác	365,725,723	-
	(362,731,389)	(31,107,478)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	88,945,275,792	91,770,198,809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30,544,025,573	34,031,222,004
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	147,690,194	792,797,970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,357,172,832	1,309,721,953
Chi phí dụng cụ văn phòng	3,060,912,449	4,294,705,927
Chi phí vật liệu quản lý	1,762,329,338	1,545,069,261
Thuế, phí và lệ phí	430,769,880	302,807,903
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	1,294,554,821	281,572,112
Chi phí quản lý khác	624,889,751	1,110,467,701
	128,167,620,630	135,438,563,640

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	23,549,030,253	9,010,438,163
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(268,177,242)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,589,258,528	799,081,025
Thu nhập chịu thuế	25,138,288,781	9,541,341,946
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	5,027,657,756	1,908,268,389

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

28. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt vào ngày 19 tháng 07 năm 2024



Trần Phương Anh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024

